

Số: 1817 /KH-UBND

Tây Ninh, ngày 20 tháng 6 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng
nông thôn mới tỉnh Tây Ninh năm 2024

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2182/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND tỉnh quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 2767/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 - nguồn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán cho bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố năm 2024;

Thực hiện Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) tỉnh Tây Ninh năm 2024 (gọi tắt là Kế hoạch) như sau:

I. MỤC TIÊU

- Huyện Bến Cầu đạt chuẩn NTM.

- Duy trì 65/71 xã đã đạt chuẩn NTM, 25 xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao và 03 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Tất cả các xã đã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao giai đoạn 2010-2021 sẽ tiếp tục thực hiện nâng chất lượng tiêu chí, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Có 03 xã đạt chuẩn NTM (nâng tổng số xã đạt chuẩn đến cuối năm 2024 có 68/71 xã, chiếm 95,7%), gồm các xã: Tân Hiệp (huyện Tân Châu), Phước Minh

(huyện Dương Minh Châu), Long Vĩnh (huyện Châu Thành). Số tiêu chí bình quân/xã: 18,8 tiêu chí.

- Có 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh); lũy kế đến cuối năm 2024 có 04/71 xã, chiếm 5,6%.

(chi tiết Phụ lục I, II, III, IV kèm theo)

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn: phần đầu duy trì đạt yêu cầu Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn trên 68 triệu đồng/người/năm; kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều xuống < 0,5%; tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt trên 90%; môi trường được bảo vệ và cải thiện, tỷ lệ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 30%.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP

1. Các chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM (Chương trình)

Triển khai thực hiện các nội dung thuộc 06 Chương trình chuyên đề trọng tâm năm 2024 theo các kế hoạch của tỉnh, cụ thể:

- Kế hoạch số 292/KH-CAT ngày 10/11/2022 của Công an tỉnh triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Kế hoạch số 1239/KH-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 2382/KH-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 2454/KH-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 2606/KH-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025;

- Kế hoạch số 3306/KH-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Các nội dung thành phần của Chương trình

2.1. Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh và triển khai quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp

hóa, đô thị hóa theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với cơ cấu lại nông nghiệp trên cơ sở kế thừa quy hoạch kỳ trước.

- Bổ sung, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 huyện, xã gắn với cơ cấu lại nông nghiệp và các định hướng nông nghiệp theo chỉ đạo của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

2.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng cơ bản phục vụ sản xuất và dân sinh ở nông thôn, theo hướng đáp ứng yêu cầu, nâng cao chất lượng; chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn theo chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025.

- Phần đầu 68/71 xã đạt Tiêu chí 2 - Giao thông, Tiêu chí 5 - Trường học, Tiêu chí 6 - Cơ sở vật chất văn hóa; 71/71 xã đạt Tiêu chí 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; duy trì 71/71 xã đạt Tiêu chí 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai, Tiêu chí 4 - Điện, Tiêu chí 8 - Thông tin và Truyền thông; Tiêu chí 9 - Nhà ở dân cư.

2.3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn

- Tập trung đầu tư, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp theo định hướng phù hợp quy hoạch gắn với xây dựng NTM; xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng, triển khai hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh.

- Phát triển mạnh các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, phù hợp với điều kiện sản xuất của nông dân; phát huy mạnh vai trò của các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, đầu mối tiêu thụ sản phẩm cho nông dân nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh, hiệu quả của ngành; phát triển các hình thức sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, hướng tới đáp ứng yêu cầu xuất khẩu (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ); ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết chuỗi giá trị, thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp.

- Tăng cường năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng NTM.

- Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

- Phần đầu 69/71 xã đạt Tiêu chí 13 - Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, 69/71 xã đạt Tiêu chí 10 - Thu nhập.

2.4. Giảm nghèo bền vững

- Tập trung ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập; triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, đột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư.

- Phân đầu 71/71 xã đạt Tiêu chí 11 – Nghèo đa chiều.

2.5. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn, trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Duy trì, xóa mù chữ mức độ 1; từng bước hoàn thành công nhận xóa mù chữ mức độ 2.

- Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe người dân; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Phân đầu 71/71 xã đạt Tiêu chí 14 - Giáo dục và Đào tạo, 68/71 xã đạt Tiêu chí 15 - Y tế.

2.6. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi; phát động phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nghiên cứu, nhân rộng mô hình phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp từng địa phương, dân tộc.

- Phát triển du lịch nghỉ dưỡng, tìm hiểu đa dạng sinh học, phát huy tối đa lợi thế Vườn Di sản ASEAN - Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát; triển khai sản phẩm du lịch gắn với lễ hội, tín ngưỡng, các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và các công trình văn hoá... Phát triển kinh tế du lịch gắn với các mô hình du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, du lịch các sản phẩm truyền thống, OCOP..., tập trung, phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển khâu bảo quản và chế biến nông lâm thủy sản để nâng cao giá trị sản phẩm.

- Phân đầu 71/71 xã đạt Tiêu chí 16 - Văn hóa.

2.7. Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam

- Thu gom tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn, tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa; xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

giai đoạn 2021-2025”; tập trung triển khai công tác quản lý môi trường tại các làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng các cơ sở mai táng, hỏa táng phù hợp với các quy hoạch và theo quy định; tăng tỷ lệ trồng hoa, trồng cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cải thiện vệ sinh hộ gia đình.

- Phần đầu 68/71 xã đạt Tiêu chí 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm.

2.8. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nhanh gọn, minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức năng lực quản lý hành chính, kinh tế - xã hội chuyên sâu cho cán bộ, công chức xã theo quy định của Bộ Nội vụ, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM; tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, nhất là kịp thời hòa giải tranh chấp, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn; nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

- Phần đầu 71/71 xã đạt tiêu chí 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

2.9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM

- Tiếp tục tuyên truyền Nhân dân, hội viên tích cực hưởng ứng cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng NTM”.

- Lựa chọn, bổ sung các nội dung của cuộc vận động, phong trào vào Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm của đơn vị góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội; phát huy tiềm năng, huy động nội lực, sức dân, vận động các tổ chức, cá nhân chung tay, góp sức xây dựng NTM.

2.10. Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội ở nông thôn

- Chủ động triển khai các mặt công tác phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn an ninh, trật tự xã hội ở nông thôn; xây dựng thế trận an ninh Nhân dân, quốc phòng toàn dân vững chắc, nhất là các xã vùng trọng điểm (biên giới) đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia; xây dựng Ban Chỉ huy Quân sự xã vững mạnh toàn diện, lực lượng công an xã trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu giữ gìn an ninh trật tự ở nông thôn.

- Phần đầu 71/71 xã đạt Tiêu chí 19 - Quốc phòng và an ninh.

2.11. Nâng cao năng lực xây dựng NTM, hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành, quản lý Chương trình; công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, truyền thông về xây dựng NTM

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, xây dựng hệ thống giám sát đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý của Chương trình.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở.

- Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng NTM”.

- Cơ cấu nguồn vốn thực hiện Chương trình đảm bảo quy định; đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư, không yêu cầu dân đóng góp bắt buộc và huy động quá sức dân; bổ sung, hoàn thiện hệ thống các cơ chế chính sách có liên quan xây dựng NTM; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện ở tất cả các xã trên địa bàn tỉnh; đảm bảo tốt chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Dự kiến nguồn vốn thực hiện: **956.016 triệu đồng** (chín trăm năm mươi sáu ngàn, không trăm mười sáu triệu đồng), cụ thể như sau:

- Vốn ngân sách: 824.516 triệu đồng, chiếm 86,2% (*vốn đầu tư trực tiếp: 556.253 triệu đồng; vốn lồng ghép: 268.263 triệu đồng*).

- Vốn huy động từ doanh nghiệp, HTX, các tổ chức kinh tế khác: 55.000 triệu đồng, chiếm 5,8%.

- Nguồn vận động tự nguyện: 76.500 triệu đồng, chiếm 8,0%.

(*chi tiết Phụ lục V.1, V.2 kèm theo*)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT (Cơ quan thường trực Chương trình)

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Chương trình theo quy định, hiệu quả và đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị thực hiện xây dựng Kế hoạch kiểm tra giám sát; truyền thông và bồi dưỡng, đào tạo tập huấn, học tập kinh nghiệm về xây dựng NTM; thường xuyên truyền thông, tuyên truyền kết quả và những điểm sáng trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành đơn vị liên quan triển khai thực hiện các Chương trình chuyên đề trọng tâm trong xây dựng NTM được UBND tỉnh phân công; thường xuyên tổ chức kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc nhắc nhở các địa phương về các nội dung thực hiện chương trình xây dựng NTM; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; kịp thời đề xuất các giải pháp giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc của địa phương, đảm bảo đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện Chương trình theo các nhiệm vụ, mục tiêu được phân công của các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; tổng hợp báo cáo định kỳ đánh giá tiến độ triển khai thực hiện; kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính đề xuất phương án phân bổ các nguồn vốn (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh) đảm bảo thực hiện

Chương trình; đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện, sử dụng và giải ngân các vốn thực hiện Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phương án phân bổ các nguồn vốn (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh) đảm bảo thực hiện chương trình; đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện, sử dụng các vốn ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT.

4. Sở Xây dựng

Tiếp tục hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố về công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch nông thôn theo Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025; áp dụng các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình; công tác quản lý đầu tư xây dựng, chất lượng công trình xây dựng NTM.

5. Sở Nội vụ

Tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục nâng cao hiệu quả phong trào thi đua “Tây Ninh chung sức xây dựng nông thôn mới”; trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua theo đề nghị của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí, đồng thời chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Tây Ninh năm 2024.

7. Công an tỉnh

Phối hợp các sở, ngành đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

8. Các cơ quan thông tin truyền thông (Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh, Báo Tây Ninh)

Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền phục vụ Chương trình; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tiếp tục đổi mới nội dung, đa dạng phương thức tuyên truyền để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

9. Các Sở, ngành liên quan

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung tiêu chí theo lĩnh vực quản lý nhất là tại các xã, địa phương phấn đấu đạt các chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu, duy trì NTM nâng cao, huyện đạt chuẩn NTM; thực hiện việc lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án thuộc sở, ngành phụ trách với nội dung xây dựng NTM.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện báo cáo các nội dung liên quan theo yêu cầu của Trung ương và tỉnh.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Tăng cường công tác giám sát và phản biện trong xây dựng NTM; tiếp tục phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư đối với quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách pháp luật trong xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên quần chúng Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình.

11. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ trên địa bàn cấp huyện và tổ chức triển khai thực hiện, trong đó tập trung chỉ đạo các địa phương rà soát, đánh giá các xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, huyện NTM theo Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025. Đối với những địa phương có tiêu chí không giữ vững theo Bộ tiêu chí mới: đôn đốc, hướng dẫn UBND các xã rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; giao các phòng chuyên môn cấp huyện thẩm tra để có giải pháp thực hiện phù hợp.

- Tập trung nguồn lực thực hiện Chương trình đảm bảo mục tiêu kế hoạch; tăng cường chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư trên địa bàn; phát huy nội lực, đẩy mạnh huy động nguồn lực từ các tổ chức kinh tế, cộng đồng dân cư để thực hiện đầu tư xây dựng NTM theo quy hoạch, kế hoạch; tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, phát động phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM, thực hiện thường xuyên, liên tục, bền bỉ và gắn với thi đua hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn bảo đảm hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra; chú trọng công tác hỗ trợ phát triển sản xuất, mở rộng quy mô, ứng dụng công nghệ, liên kết sản xuất và tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm nông nghiệp góp phần nâng cao thu nhập cho người dân; chủ động, đẩy mạnh các hoạt động kêu gọi, thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, quan tâm các sản phẩm là đặc sản, đặc trưng của địa phương.

- Tăng cường vận động Nhân dân chỉnh trang khu dân cư, vận động, hướng dẫn người dân tu sửa nhà cửa, công trình phụ, hàng rào... Tiếp tục xây dựng đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, kiên cố hóa kênh mương và xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng khác; đẩy mạnh công tác vệ sinh môi trường thôn, ấp; xây dựng hệ thống quản lý vệ sinh môi trường tại cơ sở, bảo đảm cảnh quan môi trường nông thôn xanh-sạch-đẹp-văn minh, an ninh quốc phòng đảm bảo.

12. Thời gian hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn NTM năm 2024 của các cấp, các ngành

- Thời gian hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu năm 2024 của cấp xã do UBND cấp huyện quy định.

- Hồ sơ của cấp huyện đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu năm 2024 và hồ sơ đề nghị thẩm tra huyện Bến Cầu đạt chuẩn NTM gửi về cơ

quan thường trực Chương trình (Sở Nông nghiệp và PTNT) trước ngày 25 tháng 11 năm 2024.

- Thời gian trình Hội đồng thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu năm 2024, trước ngày 15/12/2024; Hội đồng thẩm tra huyện Bến Cầu đạt chuẩn NTM trước ngày 25/01/2025.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên quan báo cáo, đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để có giải pháp, chỉ đạo kịp thời nhằm triển khai thực hiện tốt Kế hoạch này./.

Nơi nhận: *lat*

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐP XDNTM Trung ương;
- TT: TU; HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- UB MTTQ VN tỉnh Tây Ninh và các tổ chức CT-XH;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình TN;
- Báo Tây Ninh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, PKT;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
NĂM 2023, KẾ HOẠCH NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số 1817/KH-UBND ngày 20/ 6/2024 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
I	Tổng số đơn vị cấp huyện thực hiện XD NTM trên địa bàn		1
	<i>Trong đó</i>		
-	Số đơn vị cấp huyện đã được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM		
-	Số đơn vị cấp huyện đã hoàn thành thủ tục họp Hội đồng thẩm định Trung ương (hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ)		
-	Số đơn vị cấp huyện đang triển khai thủ tục trình TTCP công nhận đạt chuẩn ở cấp tỉnh (<i>đề nghị ghi rõ tên đơn vị cấp huyện</i>)		01 (huyện Bến Cầu)
II	Kết quả thực hiện xây dựng NTM cấp xã		
1	Tổng số xã thực hiện XD NTM trên địa bàn (không bao gồm các thị trấn)	71	71
1.1	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi		
1.2	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững		
1.3	Số xã còn lại	71	71
2	Số xã đạt 19 tiêu chí	65	68
2.1	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM	65	68
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững		
-	Số xã còn lại	65	68
2.2.	Số xã đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM		

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
-	Số xã khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững		
-	Số xã còn lại		
3	Số xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí	2	3
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững		
-	Số xã còn lại	2	3
4	Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí	4	
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững		
-	Số xã còn lại	4	
5	Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí		
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững		
-	Số xã còn lại		
6	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao	25	25
7	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	3	4
III	Kết quả đạt chuẩn NTM cấp thôn, bản		
1	Số đơn vị cấp thôn thuộc các xã ĐBKK được công nhận đạt chuẩn NTM		
2	Số thôn, bản, ấp còn lại được công nhận đạt chuẩn NTM (nếu có)		
3	Số thôn, bản, ấp được công nhận NTM kiểu mẫu (nếu có)		

Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CÁC CẤP
VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số 1817/KH-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
I	Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn NTM	xã			
1	Quy hoạch		66	71	
2	Giao thông		54	68	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		71	71	
4	Điện		71	71	
5	Trường học		62	68	
6	Cơ sở vật chất văn hoá		63	68	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		68	71	
8	Thông tin và Truyền thông		71	71	
9	Nhà ở dân cư		71	71	
10	Thu nhập		62	69	
11	Nghèo đa chiều		67	71	
12	Lao động		69	71	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		65	69	
14	Giáo dục và Đào tạo		70	71	
15	Y tế		60	68	
16	Văn hoá		69	71	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm		61	68	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		66	71	
19	Quốc phòng và An ninh		68	71	
II	Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn NTM nâng cao	xã			
1	Quy hoạch		39	39	
2	Giao thông		32	33	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		46	46	
4	Điện		50	50	
5	Giáo dục		37	37	
6	Văn hóa		47	47	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		49	49	
8	Thông tin và Truyền thông		43	43	
9	Nhà ở dân cư		50	50	
10	Thu nhập		29	29	

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
11	Nghèo đa chiều		43	44	
12	Lao động		40	40	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		24	24	
14	Y tế		31	31	
15	Hành chính công		50	50	
16	Tiếp cận pháp luật		46	46	
17	Môi trường		31	31	
18	Chất lượng môi trường sống		28	28	
19	Quốc phòng và An ninh		43	43	
III	Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM	huyện			
1	Quy hoạch			1	
2	Giao thông		1	1	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		1	1	
4	Điện		1	1	
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục		1	1	
6	Kinh tế		1	1	
7	Môi trường			1	
8	Chất lượng môi trường sống			1	
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công		1	1	
IV	Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM nâng cao	huyện			
1	Quy hoạch				
2	Giao thông				
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai				
4	Điện				
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục				
6	Kinh tế				
7	Môi trường				
8	Chất lượng môi trường sống				
9	An ninh, trật tự - Hành chính công				

(Kèm theo Kế hoạch số 1817 /KH-UBND ngày 20/ 6/2024 của UBND tỉnh)

[illegible]

[illegible]

Số TT	Huyện/Thị xã/Thành phố	Đạt chuẩn xã NTM (năm)	Đạt chuẩn xã NTM nâng cao (năm)	Đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu (năm)	Tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới																			
					Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	CSHT thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Nghèo đa chiều	Lao động	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh	KH năm 2024 (tiêu chí)
7	Lộc Ninh	2022			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
8	Bàu Nặng	2023			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
9	Phước Minh	2024			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
10	Suối Đá	2025			1		1	1			1	1	1	1	1	1		1		1		1	1	13
Tổng số tiêu chí đạt					10	9	10	10	9	9	10	10	10	10	10	10	9	10	9	10	9	10	10	184
Bình quân tiêu chí/xã																								18
Huyện Châu Thành (14 xã)																								
1	Thanh Điền	2015	2021	2022	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
2	An Bình	2015	2023		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
3	Thái Bình	2017	2022		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
4	Hòa Hội (BG)	2018			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
5	Ninh Điền (BG)	2019			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
6	Phước Vinh (BG)	2020			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
7	Hòa Thạnh (BG)	2020			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
8	Thành Long (BG)	2021			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
9	Biên Giới (BG)	2021			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
10	Đồng Khởi	2022			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
11	Tri Bình	2022			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
12	Hảo Đước	2023			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
13	Long Vĩnh	2024			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
14	An Cơ	2025			1		1	1			1	1	1		1	1		1		1		1	1	12
Tổng số tiêu chí đạt					14	13	14	14	13	13	14	14	14	13	14	14	13	14	13	14	13	14	14	259

[illegible]

Số TT	Huyện/Thị xã/Thành phố	Đạt chuẩn xã NTM (năm)	Đạt chuẩn xã NTM nâng cao (năm)	Đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu (năm)	Tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới																			
					Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	CSHT thương mại nông thôn	Thông tin và Truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Nghèo đa chiều	Lao động	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh	KH năm 2024 (tiêu chí)
					1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
4	Long Chũr	2018	2022		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
5	Lợi Thuận (BG)	2019			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
6	Tiên Thuận (BG)	2020			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
7	An Thạnh	2021			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
8	Long Giang	2022			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
	Tổng số tiêu chí đạt				8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	8	152
	Bình quân tiêu chí/xã																							19,0
	Thị xã Trảng Bàng (04 xã)																							
1	Phước Chí (BG)	2020	2023		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
2	Hưng Thuận	2020	2022		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
3	Đôn Thuận	2021			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
4	Phước Bình (BG)	2021			1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	19
	Tổng số tiêu chí đạt				4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	76
	Bình quân tiêu chí/xã																							19,0
	TỔNG CỘNG	71 xã	25 xã	04 xã	71	68	71	71	68	68	71	71	71	69	71	71	69	71	68	71	68	71	71	1330
	BQ TC/xã				71	71	71	71	71	71	71	71	71	71	71	71	71	71	71	71	71	71	71	18,7
	Tỷ lệ				100%	95,8%	100%	100%	95,8%	95,8%	100,0%	100%	100%	97,2%	100%	100%	97%	100%	96%	100%	95,8%	100%	100%	

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DUY TRÌ CÁC XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG NTM NÂNG CAO NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 1817/KH-UBND ngày 20/6 /2024 của UBND tỉnh)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ lục V.1
DỰ KIẾN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM NĂM 2024
 (Kèm theo Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 20/ 6 /2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	MỤC TIÊU	Tổng	Trong đó:		Tỷ lệ
			Vốn ĐTPT	Vốn SN	
	TỔNG	956.016	882.823	73.193	100%
1	Vốn ngân sách	824.516	751.323	73.193	86,2%
a	Vốn đầu tư trực tiếp	556.253	526.536	29.717	58,2%
	Ngân sách Trung ương	143.766	116.570	27.196	15,0%
	Ngân sách địa phương	412.487	409.966	2.521	43,1%
b	Vốn lồng ghép các Chương trình, dự án khác	268.263	224.787	43.476	28,1%
	Ngân sách Trung ương (02 Chương trình MTQG)	51.522	8.046	43.476	
	Ngân sách địa phương	216.741	216.741		22,7%
2	Vốn huy động từ doanh nghiệp, HTX và các tổ chức kinh tế khác	55.000	55.000		5,8%
3	Nguồn vận động tự nguyện	76.500	76.500		8,0%

Ghi chú:

- Vốn doanh nghiệp và các thành phần KT khác bao gồm: vốn ngành điện đầu tư nâng cấp lưới điện nông thôn; vốn xây dựng CSHT cấp xã.
- Nguồn vận động tự nguyện: đóng góp xây dựng CSHT; hiến đất, hoa màu, ngày công lao động,...; nâng cấp nhà ở; xây dựng các công trình vệ sinh hộ gia đình.

Phụ lục V.2
CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN LỒNG GHÉP VỚI CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỪ NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số 1817/KH-UBND ngày 20/6/2024 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	216.741	
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	31.400	
	Trường THPT Dương Minh Châu (cơ sở 2)	2.900	
	Trường THPT Nguyễn Huệ	10.200	
	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	7.900	
	Trường THPT Lương Thế Vinh	5.900	
	Trường THPT Lê Hồng Phong	4.500	
II	LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI	94.190	
1	Kênh tiêu Suối Bàu Rong Gia Bình	7.700	Vốn đầu tư phát triển theo Quyết định số 2767/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 - nguồn ngân sách nhà nước (Biểu số 1).
2	Kênh tiêu Tân Hiệp	5.700	
3	Kênh tiêu Suối Ông Hùng	950	
4	Gia cố kênh TN17 đoạn từ K0 đến K0+850 (L=850m)	1.570	
5	Trạm bơm Tân Long	4.160	
6	Trồng cây phân tán tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025	1.660	
7	Nạo vét rạch Gò Suối	22.450	
8	Nạo vét kênh Đìa Xù từ cầu Đìa Xù đến giáp rạch Vàm Bảo	17.600	
9	Kênh tiêu Suối Nước Đục	32.400	

STT	Dự án	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
III	GIAO THÔNG	13.470	Vốn đầu tư phát triển theo Quyết định số 2767/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 - nguồn ngân sách nhà nước (Biểu số 1).
10	Đường ĐT.794 đoạn từ ngã ba Cà Tum đến cầu Sài Gòn (giai đoạn 2)	9.000	
11	Đường ĐH 9 giai đoạn 2	4.470	
II	CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC	15.600	
1	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Đông Tiến, Tân Đông, Tân Châu	5.500	
2	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thạnh Lợi, Thạnh Bình, Tân Biên	6.000	
3	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Tân Trung, Tân Bình, TP Tây Ninh	2.100	
4	Nâng cấp, sửa chữa HTCN ấp Thạnh Đông, Thạnh Tân, TP Tây Ninh	2.000	
III	HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN; HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA; HỖ TRỢ HỢP TÁC XÃ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ	62.081	
1	Hỗ trợ cho các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐCP ngày 17/4/2018	21.721	
2	Hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020	22.240	
3	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	18.120	